

Giải Toán 6 VNEN Bài 12: Hoạt động luyện tập**Câu 1 (trang 40 Toán 6 VNEN Tập 1):**

Tính

a. $27 \cdot 75 + 25 \cdot 27 - 150$

b. $3 \cdot 5_2 - 16 : 2_2$

c. $20 - [30 - (5 - 1)_2]$

d. $60 : \{ [(12 - 3) \cdot 2] + 2 \}$

Trả lời:

a. $27 \cdot 75 + 25 \cdot 27 - 150 = 27 \cdot (75 + 25) - 150 = 27 \cdot 100 - 150 = 2700 - 150 = 2550$

b. $3 \cdot 5_2 - 16 : 2_2 = 3 \cdot 25 - 16 : 4 = 75 - 4 = 71$

c. $20 - [30 - (5 - 1)_2] = 20 - (30 - 4_2) = 20 - (30 - 16) = 20 - 14 = 6$

d. $60 : \{ [(12 - 3) \cdot 2] + 2 \} = 60 : [(9 \cdot 2) + 2] = 60 : (18 + 2) = 60 : 20 = 3$

Câu 2 (trang 40 Toán 6 VNEN Tập 1):

Tìm số tự nhiên x biết

a. $70 - 5 \cdot (x - 3) = 45$

b. $10 + 2 \cdot x = 4_5 : 4_3$

Trả lời:

a. $70 - 5 \cdot (x - 3) = 45$

$$5 \cdot (x - 3) = 70 - 45$$

$$5 \cdot (x - 3) = 25$$

$$x - 3 = 25 : 5$$

$$x - 3 = 5$$

$$x = 5 + 3$$

$$x = 8$$

b. $10 + 2x = 4_5 : 4_3$

$$10 + 2x = 4_2$$

$$2x = 16 - 10$$

$$2x = 6$$

$$x = 6 : 2$$

$$x = 3$$

Câu 3 (trang 40 Toán 6 VNEN Tập 1): Tính giá trị của biểu thức:

$$48000 - (2500 \cdot 2 + 9000 \cdot 3 + 9000 \cdot 2 : 3)$$

Trả lời:

$$48000 - (2500 \cdot 2 + 9000 \cdot 3 + 9000 \cdot 2 : 3) = 48000 - (5000 + 27000 + 6000) = 48000 - 38000 = 10000$$

Câu 4 (trang 40,41 Toán 6 VNEN Tập 1):

Điền vào chỗ chấm để hoàn thành đề toán sau, sao cho khi giải, ta phải tính giá trị của biểu thức nêu trong bài 3

An mua hai bút chì giá... đồng, ba quyển vở giá... đồng, một quyển sách và một gói phong bì. Biết số tiền mua ba quyển sách bằng số tiền mua hai quyển vở. Tổng số tiền phải trả là 48000 đồng. Tính giá trị một gói phong bì.

Trả lời:

An mua hai bút chì giá 2500 đồng, ba quyển vở giá 9000 đồng, một quyển sách và một gói phong bì. Biết số tiền mua ba quyển sách bằng số tiền mua hai quyển vở. Tổng số tiền phải trả là 48000 đồng.

Hai quyển vở có giá là $2 \times 9000 = 18000$ (đồng)

Suy ra ba quyển sách có giá là 18000 đồng nên mỗi quyển sách có giá là

$$18000 : 3 = 6000 \text{ (đồng)}$$

Gọi giá tiền gói phong bì là x

$$\text{Ta có biểu thức dựa vào bài ra : } 2. 2500 + 3. 9000 + 6000 + x = 48000$$

$$\text{Suy ra } x = 10000$$

Vậy giá tiền của một gói phong bì là 10000 đồng.

Câu 5 (trang 41 Toán 6 VNEN Tập 1): Điền vào ô vuông dấu thích hợp (=, <, >)

$1^2 \quad \square \quad 1$

$1^3 \quad \square \quad 1^2 - 0^2$

$(0 + 1)^2 \quad \square \quad 0^2 + 1^2$

$2^2 \quad \square \quad 1 + 3$

$2^3 \quad \square \quad 3^2 - 1^2$

$(1 + 2)^2 \quad \square \quad 1^2 + 2^2$

$3^2 \quad \square \quad 1 + 3 + 5$

$3^3 \quad \square \quad 6^2 - 3^2$

$(2 + 3)^2 \quad \square \quad 2^2 + 3^2$

$4^3 \quad \square \quad 10^2 - 6^2$

Trả lời:

$1^2 \quad \square = \quad 1$

$1^3 \quad \square = \quad 1^2 - 0^2$

$(0 + 1)^2 \quad \square = \quad 0^2 + 1^2$

$2^2 \quad \square = \quad 1 + 3$

$2^3 \quad \square = \quad 3^2 - 1^2$

$(1 + 2)^2 \quad \square > \quad 1^2 + 2^2$

$3^2 \quad \square = \quad 1 + 3 + 5$

$3^3 \quad \square = \quad 6^2 - 3^2$

$(2 + 3)^2 \quad \square > \quad 2^2 + 3^2$

$4^3 \quad \square = \quad 10^2 - 6^2$

Giải Toán VNEN lớp 6 Bài 12: Hoạt động vận dụng

Hãy cùng khám phá

Đọc bảng và lần lượt thực hiện các hoạt động sau:

Số	Số chục	Bình phương
5		
15		

25		
35		
45		

Câu 1 (trang 41 Toán 6 VNEN Tập 1): Viết các chữ số hàng chục của mỗi số vào cột " Số chục "

Tính bình phương của mỗi số và viết kết quả vào cột " Bình phương"

Trả lời:

Số	Số chục	Bình phương
5	0	25
15	1	225
25	2	625
35	3	1225
45	4	2025

Câu 2 (trang 41 Toán 6 VNEN Tập 1): Em có nhận xét gì về hai chữ số cuối trong kết quả tính bình phương mỗi số?

Trả lời:

Hai chữ số cuối trong kết quả tính bình phương của mỗi số đều là 25

Câu 3 (trang 41 Toán 6 VNEN Tập 1): Em có nhận xét gì về mối liên hệ giữa chữ số hàng chục của mỗi số với các chữ số còn lại trong kết quả tính bình phương của mỗi số đó?

Trả lời:

Trong kết quả bình phương: Chữ số hàng chục đều là chữ số 2, và các chữ số còn lại đều là bội số tăng dần của 2 như 2, 6, 12, 20.

Câu 4 (trang 41 Toán 6 VNEN Tập 1): Hãy nêu cách tính nhẩm bình phương của một số có hai chữ số mà chữ số tận cùng là 5.

Trả lời:

Ta gọi a5 số có hai chữ số tận cùng là 5

$$a5 = a.10 + 5$$

Cách tính nhẩm : lấy $a \times (a + 1)$ và viết thêm số 25 vào bên phải

Ví dụ : 65_2

$$6 \times (6 + 1) = 6 \times 7 = 42$$

Viết thêm số 25 vào bên phải ta được kết quả là 4225

Giải SGK Toán 6 VNEN Bài 12: Hoạt động tìm tòi mở rộng

Câu 1 (trang 41 Toán 6 VNEN Tập 1):

Câu đố:

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?

Tính giá trị biểu thức $3_4 - 3_3$, em sẽ tìm được câu trả lời.

Trả lời:

$$3_4 - 3_3 = 81 - 27 = 54$$

Vậy cộng đồng các dân tộc Việt Nam có 54 dân tộc.

Câu 2 (trang 42 Toán 6 VNEN Tập 1): Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng :

Giá trị của biểu thức $20 - 6 \cdot 3 + 28 : 7$ là:

A. 46

B. 10

C. 6

D. 4

Trả lời:

Đáp án: C

Câu 3 (trang 42 Toán 6 VNEN Tập 1): Đố bạn:

Em đó bạn lựa chọn các dấu ngoặc (nếu cần) rồi đặt vào vị trí thích hợp để được kết quả đúng:

a. $12 - 8 : 4 = 1$

b. $4 + 8. 5 - 4. 5 = 40$

c. $12. 4 + 2 - 12 = 60$

c. $10 : 5 + 5. 9. 9 = 81$

Trả lời:

a. $(12 - 8) : 4 = 1$

b. $(4 + 8). 5 - 4. 5 = 40$

c. $12. (4 + 2) - 12 = 60$

c. $10 :(5 + 5). 9. 9 = 81$